

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày 27-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Văn C, sinh ngày 10/11/1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C1 và bà Phạm Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/3/2018, có mặt.

- Bị hại: Anh Phan Văn T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn C1, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Anh Phạm Văn B, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Người làm chứng*: La Thị T2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ, ngày 04/3/2018 Bùi Văn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16K7- 6201 đến nhà anh Phan Văn T là bạn ở cùng thôn chơi. Khi đến nhà anh T, C quan sát thấy cửa mở, không có ai ở nhà, trên giường của vợ chồng anh Tâm có chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màu đỏ đang sạc pin, C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, nên C đã rút sạc pin ra rồi mang điện thoại đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Phạm Văn B ở thôn H, xã T, huyện K bán cho anh B được 3.500.000 đồng.

Buổi tối cùng ngày, anh Phan Văn T làm đơn trình báo đến Công an huyện K về việc mất tài sản. Sau một tiếng đồng hồ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ chiếc điện thoại trên tại cửa hàng mua bán điện thoại của anh Phạm Văn B.

Sáng ngày 05/3/2018 Bùi Văn C đến Công an huyện K đầu thú, giao nộp lại số tiền 3.500.000 đồng và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16K7- 6201.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 05/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Kiến Thụy kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màu đỏ đã qua sử dụng, trị giá 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Bùi Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Anh Phan Văn T khai: Nhà anh ở gần nhà Bùi Văn C, nên có quen biết C. Tối ngày 04/3/2018 anh đi sang nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn chơi, khi đi anh không khóa cửa, trong nhà không có ai; khi về nhà anh phát hiện bị mất chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màu đỏ của cá nhân anh. Vì vậy anh đã làm đơn trình báo Công an huyện K. Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh chiếc điện thoại trên còn nguyên vẹn, anh không yêu cầu bồi thường gì. Anh làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bùi Văn C.

Anh Phạm Văn B khai: Anh mở cửa hàng kinh doanh điện thoại tại thôn H, xã T, huyện K. Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 04/3/2018 anh đang bán hàng thì có một nam thanh niên (sau này anh biết đó là Bùi Văn C) đến cửa hàng anh hỏi bán cho anh 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màu đỏ, C nói điện thoại đó của C, có việc cần tiền tiêu nên bán. Anh xem điện thoại và trả giá 3.500.000 đồng, C đồng ý giao điện thoại cho anh, anh giao cho C 3.500.000 đồng. Khoảng 21 giờ cùng ngày anh thấy Công an huyện K đến làm việc, thu giữ lại chiếc điện thoại trên tại cửa hàng anh, lúc đó anh mới biết C đã trộm cắp chiếc điện thoại của anh Tâm đem bán. Khoảng 9 giờ ngày 05/3/2018 bố C mang số tiền 3.500.000 đồng đến trả cho anh. Anh đã nhận lại đầy đủ, không yêu cầu, đề nghị gì.

Ông Bùi Văn C1 khai: Ông là bố đẻ của Bùi Văn C, tối ngày 04/3/2018 ông ở quê ngoại về thì biết được tin C trộm cắp chiếc điện thoại của anh T, người cùng thôn, sau đó ông nhận được điện thoại của C nhờ ông chuẩn bị 3.500.000 đồng mang đến trả cho anh B. Vì vậy sáng ngày 05/3/2018 ông mang 3.500.000 đồng trả cho anh B đầy đủ.

Về vật chứng: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 thu tại cửa hàng anh Phạm Văn B thuộc quyền sở hữu của anh Phan Văn T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16K7- 6201 thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn C1 (bố đẻ của Bùi Văn C), Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông C1.

Số tiền 3.500.000 đồng do Cường nộp tại Cơ quan điều tra Công an huyện K chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý theo quy định của pháp luật.

Về dân sự: Anh Phan Văn T đã nhận lại tài sản đầy đủ, không yêu cầu bồi thường. Ông Bùi Văn C1 đã trả lại anh Phạm Văn B số tiền 3.500.000 đồng mà anh Biên đã mua điện thoại của C.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và khai: Sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, trên đường đi đến đầu thú tại Công an huyện K, bị cáo đã điện thoại cho ông Bùi Văn C là bố đẻ bị cáo đến cửa hàng anh B để chuộc lại điện thoại trả anh T. Bị cáo biết ông C1 đã bỏ ra 3.500.000 đồng để trả lại anh B tiền mua điện của bị cáo. Nay bị cáo chấp nhận trả lại ông C1 số tiền 3.500.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra (đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý). Bị cáo có nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập ổn định 04 triệu đồng/tháng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo đồng ý với kết luận của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản".

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn C1 khai phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra. Nay ông yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại ông số tiền 3.500.000 đồng mà ông đã trả anh B, do C đã bán điện thoại cho anh B mà có.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKS-KT, ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Bùi Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Bùi Văn C về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn C từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng về tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải trả lại cho ông Bùi Văn C1 số tiền 3.500.000 đồng mà ông C1 đã trả cho anh B. Số tiền này bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra (đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, trả lại cho ông Bùi Văn C1 số tiền 3.500.000 đồng (đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý) như đã phân tích ở trên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được, Kết luận định giá tài sản và nội dung bản Cáo trạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Khoảng 18 giờ ngày 04/3/2018 Bùi Văn C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màu đỏ đã qua sử dụng của anh Phan Văn T, trị giá 2.500.000 đồng. Như vậy bị cáo Bùi Văn C đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố và đề nghị.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo để phòng ngừa tội phạm.

Nhân thân bị cáo: Không có tiền án, tiền sự

Về tình tiết tăng nặng: Không có

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; lần phạm tội này của bị cáo là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Sau khi xem xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có thu nhập ổn định và có nơi cư trú rõ ràng, do đó không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo tương ứng với thời gian cải tạo để sung quỹ Nhà nước cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo là quá nghiêm khắc.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

Số tiền 3.500.000 đồng mà ông C1 đã bỏ ra trả lại anh B, do anh B mua điện thoại của bị cáo. Nay ông C1 yêu cầu bị cáo phải hoàn trả ông số tiền trên, bị cáo chấp nhận là phù hợp, nên buộc bị cáo phải trả lại cho ông Bùi Văn C1 số tiền 3.500.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra (đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý) là đúng pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho ông Bùi Văn C1 số tiền 3.500.000 đồng (đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý) như đã phân tích ở trên.

Chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 16k7-6201 thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn C1. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông C1 là đúng pháp luật.

Trong vụ án này, anh Phạm Văn B mua chiếc điện thoại của Bùi Văn C nhưng anh B không biết đó là tài sản do C trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý anh B là đúng pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn C 12 (mười hai) tháng cải tạo không

giám giữ về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bùi Văn C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo với thời gian 12 tháng; mỗi tháng bị cáo bị khấu trừ 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải trả lại cho ông Bùi Văn C1 số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý theo biên lai thu tiền số 0005524 ngày 24/5/2018.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn C1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Diệu

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Kiến Thụy;
- Công an huyện Kiến Thụy ;
- Chi cục THA dân sự + Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu